

Thứ năm, ngày 26 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Chinh phục lại ngưỡng 990 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/9/2019		•	
Tuần 23/9-27/9/2019		•	
Tháng 9/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index hồi phục nhẹ khi lực mua gia tăng tại các mã bluechips trụ cột thị trường như VNM, SAB cùng với nhóm Ngân hàng với các cổ phiếu BID, TCB, CTG. Đến phiên chiều, chỉ số tiếp tục khẳng định đà tăng khi các mã VNM, GAS, TCB bứt phá ấn tượng. Thị trường có phiên giao dịch tích cực với thanh khoản tăng nhẹ theo xu hướng trong khu vực nhờ việc thỏa thuận thương mại vừa đạt được giữa Mỹ và Nhật Bản cho thấy dấu hiệu tích cực về tiến triển của đàm phán thương mại giữa Mỹ - Trung. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng đang giữ kì vọng tích cực về khả năng thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng khi FTSE thông báo kết quả cuộc review vào ngày mai.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 915 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/09/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chỉ số cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng. FPT đang vận động tích lũy sau khi lập đỉnh quanh ngưỡng 58. Thanh khoản giữ ở mức thấp, trong khi chỉ báo động lượng cho thấy dư địa tăng không còn nhiều. Điều chỉnh giảm của chứng khoán cơ sở có thể tạo áp lực giảm lên giá chứng quyền của cổ phiếu này.

Danh mục i-Invest: Theme_ Bảo hiểm & Chứng khoán_2.3%. 14/15 danh mục **Chủ đề** đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó cả **11/15** danh mục **Chủ đề** có hiệu suất tốt hơn **VNINDEX (0.3%)**. Đặc biệt, danh mục **Bảo hiểm & Chứng khoán** - kỳ vọng hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đối với nhóm ngành dịch vụ tài chính - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.3%**.

Phân tích kỹ thuật: VND_Phiên bứt phá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PC1, KDH, VNM, TCB**

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.45 điểm**, đóng cửa 990.75. HNX-Index **+0.96 điểm**, đóng cửa 104.77.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+1.90); GAS (+0.91); TCB (+0.47); CTG (+0.39); VCB (+0.33)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.78); VIC (-0.68); VRE (-0.50); MSN (-0.17); HVN (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,107 tỷ đồng, +16.8%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.12 điểm. Thị trường có 155 mã tăng, 62 mã tham chiếu và 146 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **106.90 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VCB (33.42 tỷ), VHM (22.09 tỷ) và VRE (14.99 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **0.44 tỷ đồng**.

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX 990.75Giá trị: 3107.57 tỷ **3.45 (0.35%)**

Khối ngoại (ròng): -106.9 tỷ

HNX-INDEX 104.77Giá trị: 312.24 tỷ **0.96 (0.92%)**

Khối ngoại (ròng): 0.44 tỷ

UPCOM-INDEX 57.22Giá trị: 218.96 tỷ **0.5 (0.88%)**

Khối ngoại(ròng): 21.06 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.6	0.19%
Giá vàng	1,508	0.27%
Tỷ giá USD/VND	23,201	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,404	-0.56%
Tỷ giá JPY/VND	21,557	0.12%
LS liên NH 1 tháng	3.0%	2.43%
LS TPCP 5 năm	3.1%	1.09%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	45.7	VCB	33.4
VCI	14.5	VHM	22.1
KDH	5.8	VRE	15.1
HCM	5.7	HPG	13.4
MSH	3.5	HDB	11.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



- ♦ Bạn không có thời gian để đầu tư
- ♦ Bạn bán khoản với biến động thị trường
- ♦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

*14/15 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó cả **11/15 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (0.3%). Đặc biệt, danh mục **Bảo hiểm & Chứng khoán** - kỳ vọng hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ đối với nhóm ngành dịch vụ tài chính - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.3%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **13/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**
- **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_2.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.3%	2.8%	2.0%	-3.9%	-8.5%	-17.9%	45.1%
Ngân hàng	1.7%	0.9%	5.2%	16.1%	6.7%	0.1%	85.5%
Xây dựng & Vật liệu XD	1.4%	0.1%	2.5%	0.4%	-4.4%	-12.6%	-8.3%
Xây dựng	1.3%	3.5%	6.8%	4.9%	-4.2%	-11.1%	26.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.1%	1.9%	4.1%	8.7%	7.4%	3.1%	69.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.1%	1.5%	4.4%	13.6%	11.8%	1.5%	78.1%
Lãi suất giảm	1.1%	1.7%	1.7%	0.7%	0.1%	-2.5%	56.8%
Vật liệu Xây dựng	1.0%	-1.2%	1.1%	3.6%	2.8%	-3.6%	1.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.8%	1.2%	-2.2%	-3.3%	3.6%	9.5%	46.5%
Nước & Năng lượng	0.7%	0.7%	1.0%	0.7%	2.8%	5.1%	59.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	-0.5%	2.3%	3.0%	-0.4%	1.8%	76.3%
Hàng tiêu dùng	0.2%	0.9%	3.4%	10.6%	12.3%	6.6%	65.3%
Chiến tranh thương mại	0.2%	0.0%	-3.1%	-4.0%	-3.4%	-4.7%	3.1%
Dầu khí	0.1%	-1.9%	-0.4%	-1.1%	1.0%	-14.0%	13.7%
BDS & Khu công nghiệp	0.0%	-1.5%	0.9%	4.8%	2.7%	-0.6%	61.9%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 15	1.5%	2.7%	6.3%	12.7%	9.7%	2.1%	70.1%
Danh mục 4	1.4%	0.7%	4.5%	8.1%	4.3%	-8.6%	26.3%
Danh mục 16	1.4%	2.4%	6.2%	11.2%	9.9%	3.8%	72.5%
Danh mục 18	-0.1%	-0.8%	-0.6%	2.0%	1.2%	2.8%	85.6%
Danh mục 3	-0.3%	-0.2%	2.1%	2.9%	-1.3%	-9.8%	27.0%
* Note	1. Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất. 2. Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						

* Note **13/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 19	1.0%	1.5%	5.9%	13.2%	11.9%	9.2%	56.3%
Danh mục 23	0.8%	1.0%	-0.4%	4.3%	-0.5%	4.0%	105.5%
Danh mục 20	0.8%	-0.2%	0.9%	4.4%	0.4%	1.2%	18.2%
Danh mục 21	0.3%	-0.4%	4.4%	11.0%	10.5%	-2.5%	43.8%
Danh mục 25	-0.1%	-0.2%	-1.4%	6.7%	8.0%	24.8%	166.8%
* Note	5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần tốt hơn VNINDEX						

* Note **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	0.3%	-0.6%	1.4%	4.3%	1.0%	-1.9%	46.3%
VN30INDEX	0.6%	-0.1%	2.9%	7.5%	2.0%	-6.8%	38.2%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

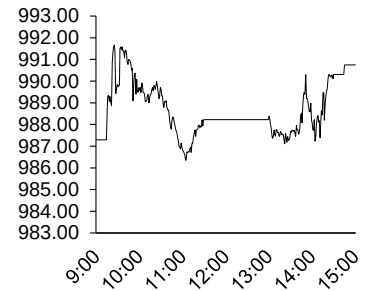
BSC RESEARCH

9/26/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

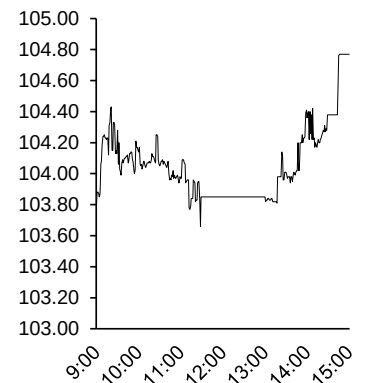
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	2.3%
Truyền thông	1.3%
Tài nguyên Cơ bản	1.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.0%
Thực phẩm và đồ uống	1.0%
Ngân hàng	0.9%
Hóa chất	0.5%
Bán lẻ	0.5%
Công nghệ Thông tin	0.5%
Dầu khí	0.4%
Ô tô và phụ tùng	0.3%
Bảo hiểm	0.3%
Y tế	0.2%
Xây dựng và Vật liệu	0.0%
Viễn thông	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.1%
Du lịch và Giải trí	-0.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.6%
Bất động sản	-0.6%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

VND_Phiên bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu VND đã hình thành phiên bứt phá sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng giá 13.5. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá đã hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đã cho lên tín hiệu tích cực khởi đầu của xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt lên dải mây ichimoku cho thấy nhịp tăng giá trong trung hạn đang dần hình thành. Như vậy, VND nhiều khả năng sẽ hồi phục vùng kháng cự cũ 15.5-16 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PC1_Hồi phục mạnh [Link](#)

KDH_Bứt phá [Link](#)

VNM_Tăng giá [Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực [Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 26/09/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 26/09	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.74	-1.15%	-2.31%	5.83%	-20.69%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	62.46	-1.03%	-1.75%	6.46%	-23.18%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.63	-1.50%	-1.66%	0.85%	-20.81%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1507.25	-1.67%	0.80%	-1.34%	26.09%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.97	-3.29%	1.11%	1.74%	25.52%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	885.29	-0.81%	-0.39%	3.69%	4.15%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	479.50	-0.47%	-2.04%	1.37%	-7.34%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.26	0.00%	0.05%	3.75%	13.14%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	165.20	0.73%	-4.78%	6.72%	12.38%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.84	2.96%	7.27%	3.24%	19.19%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.09	0.00%	-2.83%	12.36%	-3.74%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	101.25	2.12%	4.23%	7.22%	3.27%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.60	0.17%	0.16%	2.35%	-7.38%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3769.00	0.27%	-1.41%	1.32%	-17.46%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1762.50	-1.26%	-1.65%	0.09%	-14.65%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	92.00	-1.08%	-2.13%	5.75%	32.37%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.10	-1.26%	-3.03%	1.79%	-40.63%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Kết thúc phiên, dầu Brent giảm 71 US cent, tương đương 1.1%, xuống 62.39 USD/thùng; dầu Tây Texas giảm 80 US cent, tương đương 1.4%, xuống 56.49 USD/thùng.
- Giá dầu thô tiếp tục giảm thêm khoảng 1% sau khi số liệu cho thấy tồn trữ dầu của Mỹ nhiều hơn dự kiến trong khi Saudi Arabia cũng khôi phục sản lượng nhanh hơn dự đoán. Tồn trữ dầu thô của Mỹ tuần qua đã tăng 2.4 triệu thùng chứ không giảm 249,000 thùng như tính toán của các nhà phân tích, số liệu từ Cơ quan Thông tin Năng lượng cho biết. Trong khi đó, nguồn tin Reuters cho hay, Saudi Arabia đã khôi phục công suất sản xuất về mức 11.3 triệu thùng/ngày. Tồn trữ dầu của nước này vẫn duy trì ở mức vừa phải.
- Tổng thống Donald Trump vừa thông báo rằng có thể đạt một thỏa thuận để kết thúc cuộc chiến thương mại kéo dài đã gần 15 tháng với Trung Quốc sớm hơn so với suy nghĩ của mọi người. Ông cũng nói rằng đã thấy "con đường dẫn tới hòa bình" trong quan hệ với Iran. Những phát ngôn này không những không đẩy giá dầu tăng lên mà còn góp phần kéo giá đi xuống.

Giá vàng

- Cuối phiên, giá vàng giao ngay giảm 1.8% xuống 1,504.61 USD/ounce, đầu phiên có lúc vàng giao ngay giảm sâu tới 2% xuống 1,501.55 USD/ounce; vàng kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 1.8% xuống 1,512.3 USD/ounce. Dollar index đã chạm mức cao nhất 2 tuần trong phiên vừa qua.
- Giá vàng giảm 2% từ mức cao kỷ lục nhiều tuần do thiếu chắc chắn về tình hình chính trị, nhất là cuộc điều tra luận tội Tổng thống Mỹ khiến nhà đầu tư lại chuyển hướng sang mua USD thay vì vàng. Tuy nhiên, thị trường vàng vẫn đang trong xu hướng tích cực bởi được hỗ trợ từ một số yếu tố chưa được giải quyết như vấn đề ở Trung Đông hay thuế quan giữa Mỹ và Trung Quốc.

Giá đồng

- Giá đồng hồi phục sau phát biểu của ông Trump làm dấy lên hy vọng có khả năng Mỹ - Trung sớm kết thúc cuộc chiến thương mại. Đồng kỳ hạn 3 tháng trên sàn London tăng nhẹ 0.1% lên 5,786 USD/tấn.

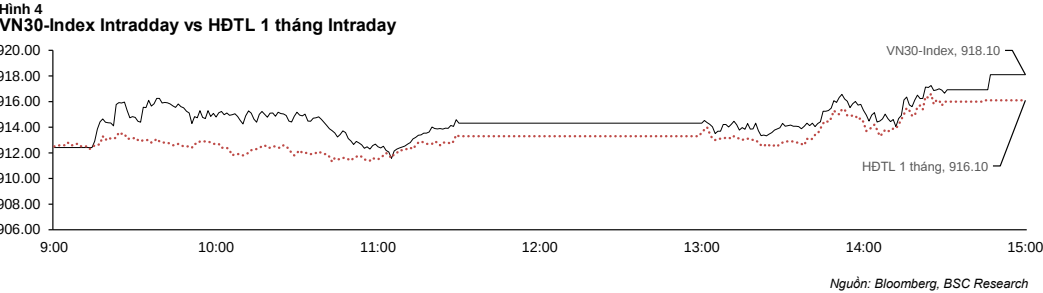
Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 vừa tăng 0.5 US cent (2.4%) lên 11.8 US cent/lb, cao nhất kể từ 12/8/2019; đường trắng cũng tăng 8.7 USD (2.63%) lên 339.6 USD/tấn (kỳ hạn tháng 12/2019).
- Giá bông trên sàn New York đã giảm xuống mức thấp nhất trong 2 tuần gần đây do khối lượng giao dịch ít bởi nhu cầu giảm do cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Giá bông đã giảm gần 18% từ đầu năm tới nay vì lý do này. Hợp đồng giao dịch bông kỳ hạn tháng 12/2019 đã giảm 0.1% xuống 60.35 US cent/lb vào cuối phiên, trong phiên giao dịch trong khoảng 59.63 – 60.9 US cent/lb.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 3 năm sau giảm 1.3 JPY, tương đương 0.0121 USD hay 0.8%, xuống 166.8 JPY/kg. Hợp đồng kỳ hạn tháng 1 năm tới ở Thượng Hải cũng giảm 130 CNY (18.26 USD) xuống 11,805 CNY/tấn; cao su TSR20 của Trung Quốc giảm 1.2% xuống 10,050 CNY/tấn. Giá cao su trên thị trường Tokyo giảm do triển vọng kinh tế ảm đạm và tồn trữ cao su tăng trong bối cảnh lo lắng nhu cầu lốp xe sẽ yếu đi.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1910	916.10	0.55%	-2.00	3.6%	72656	10/17/2019	21
VN30F1911	914.80	0.42%	-3.30	147.1%	472	11/21/2019	56
VN30F1912	912.00	0.90%	-6.10	-8.8%	114	12/19/2019	84
VN30F2003	913.80	1.08%	-4.30	-71.5%	76	3/19/2020	175

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 5.68 điểm lên mức 918.10 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, TCB, HPG, MBB, và VPB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 biến động trong phiên sáng, giảm xuống dưới tham chiếu về cuối phiên, hồi phục mạnh trong phiên chiều. Thanh khoản tăng và các chỉ báo động lượng cho thấy dư địa tăng vẫn còn, dự kiến kiểm tra lại mốc 920 điểm trong những phiên tới.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch và vị thế mở, VN30F1910 và VN30F1911 đều giảm, trong khi VN30F1912 và VN30F2003 đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng tăng trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 915 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CVNM1901	KIS	12/13/2019	78	10:1	370,030	14.9%	5.0 triệu	19.50%	1,200	880	6.02%	3.70
CFPT1902	SSI	9/30/2019	4	1:1	2,240	-80.7%	1.0 triệu	19.67%	3,800	12,290	4.15%	12,288.50
CMWG1902	VND	12/11/2019	76	4:1	29,000	93.1%	2.4 triệu	20.10%	2,990	10,400	4.00%	9,221.50
CMBB1902	HSC	12/17/2019	82	1:1	141,630	442.0%	1.0 triệu	23.06%	3,200	3,600	2.86%	1,135.00
CFPT1903	SSI	12/30/2019	95	1:1	26,940	-38.8%	2.0 triệu	19.67%	6,000	14,600	2.10%	12,829.20
CHPG1905	SSI	12/30/2019	95	1:1	148,650	-22.1%	1.0 triệu	28.57%	3,300	2,770	1.47%	871.00
CMWG1904	SSI	9/28/2019	95	1:1	11,150	-44.2%	1.0 triệu	20.10%	14,000	40,500	1.25%	37,106.80
CMWG1903	HSC	12/30/2019	95	5:1	111,520	26.5%	2.0 triệu	20.10%	2,700	6,990	0.58%	6,424.70
CFPT1904	MBS	11/19/2019	54	3:1	65,150	-56.4%	3.0 triệu	19.67%	1,700	2,900	0.35%	1,971.80
CMSN1901	KIS	11/14/2019	49	5:1	144,030	122.4%	1.8 triệu	20.37%	1,920	1,430	0.00%	57.60
CREE1901	MBS	11/19/2019	54	3:1	174,050	-49.5%	3.0 triệu	22.40%	1,260	1,850	0.00%	941.90
CHPG1906	KIS	11/14/2019	49	2:1	44,150	60.6%	5.0 triệu	28.57%	1,500	570	-1.72%	4.20
CHPG1902	KIS	12/11/2019	76	5:1	59,190	177.8%	3.0 triệu	28.57%	1,000	290	-3.33%	-
CVIC1901	KIS	11/14/2019	49	5:1	52,490	-14.4%	2.0 triệu	20.76%	1,960	1,410	-7.24%	15.10
CVRE1901	KIS	11/14/2019	49	2:1	330,480	85.3%	2.5 triệu	27.21%	1,900	800	-13.04%	11.80
CHPG1904	SSI	9/30/2019	4	1:1	304,590	130.8%	1.0 triệu	28.57%	2,200	170	-15.00%	8.60

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 26/09/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chỉ số cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CHPG1904 và CVRE1901 giảm mạnh nhất lần lượt là 15.00% và 13.04%. CVNM1901 tăng 6.02%. Thanh khoản thị trường tăng 18.75%. CVNM1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 18% thị trường.
- Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. FPT đang vận động tích lũy sau khi lập đỉnh quanh ngưỡng 58. Thanh khoản giữ ở mức thấp, trong khi chỉ báo động lượng cho thấy dư địa tăng không còn nhiều. Điều chỉnh giảm của chứng khoán cơ sở có thể tạo áp lực giảm lên giá chứng quyền của cổ phiếu này.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	130.00	2.85	2.54
TCB	23.10	1.99	1.43
MBB	22.60	2.03	0.86
HPG	22.25	1.60	0.81
VPB	21.65	1.17	0.60

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	32.8	-2.24	-0.46
EIB	16.4	-1.80	-0.44
VIC	119.0	-0.58	-0.41
VHM	88.7	-0.89	-0.39
PNJ	80.7	-1.71	-0.35

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM1901	46,340	156,285	130,000
CFPT1902	96,981	45,140	57,700
CMWG1902	48,130	90,000	126,000
CMBB1902	26,300	21,800	22,600
CFPT1903	56,154	45,140	57,700
CHPG1905	93,300	23,100	22,250
CMWG1904	165,000	90,000	126,000
CMWG1903	25,800	95,000	126,000
CFPT1904	57,100	52,000	57,700
CMSN1901	98,488	88,888	78,500
CREE1901	41,330	37,550	39,650
CHPG1906	31,088	28,088	22,250
CHPG1902	166,285	41,999	22,250
CVIC1901	150,688	140,888	119,000
CVRE1901	44,688	40,888	32,750
CHPG1904	98,800	23,100	22,250

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	126.0	0.4%	0.7	2,425	2.5	7,893	16.0	5.4	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	80.7	-1.7%	1.0	781	3.8	4,727	17.1	4.4	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	72.3	0.3%	1.3	2,203	0.7	1,505	48.0	3.3	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.6	0.0%	0.7	338	0.1	3,061	11.0	1.2	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	119.0	-0.6%	1.1	17,312	1.7	1,643	72.4	4.8	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	32.8	-2.2%	1.1	3,316	6.8	1,033	31.7	2.7	31.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	62.2	0.3%	0.8	2,516	0.8	3,579	17.4	2.9	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	39.7	0.4%	1.0	535	1.4	5,261	7.5	1.3	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.9	0.6%	1.4	384	1.1	3,744	4.5	1.1	46.7%	27.0%
SSI	Chứng khoán	22.7	4.6%	1.3	500	6.2	1,997	11.3	1.2	56.8%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.8	0.0%	1.0	256	0.0	5,067	7.1	1.6	37.8%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.8	4.9%	1.4	329	2.5	1,434	17.3	1.8	56.2%	11.1%
FPT	Công nghệ	57.7	0.5%	0.8	1,702	2.5	4,349	13.3	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	46.0	-0.2%	0.4	497	0.1	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	104.0	1.6%	1.5	8,654	1.5	6,066	17.1	4.5	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	60.6	0.7%	1.5	3,138	0.9	3,350	18.1	3.6	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	20.1	0.0%	1.7	418	1.7	2,397	8.4	0.7	23.0%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.4	2.2%	0.8	1,267	0.4	1,163	8.1	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.9	0.5%	0.5	522	0.0	4,616	19.9	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.6	4.2%	0.7	231	0.6	853	16.0	0.7	19.2%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.5	-0.1%	0.6	173	0.1	897	8.4	0.6	2.4%	7.3%
VCB	Ngân hàng	81.0	0.4%	1.3	13,062	3.6	4,729	17.1	3.9	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	40.2	0.6%	1.5	5,968	1.6	2,091	19.2	2.5	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.2	1.7%	1.6	3,424	2.1	1,470	14.4	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	21.7	1.2%	1.2	2,313	2.4	2,989	7.2	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.6	2.0%	1.1	2,243	4.3	3,215	7.0	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.3	1.3%	1.1	1,642	2.3	4,469	5.2	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	52.0	-1.0%	0.9	185	0.1	5,017	10.4	1.8	77.8%	17.1%
NTP	Nhựa	38.3	-0.5%	0.3	149	0.0	4,490	8.5	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.9	-1.7%	1.2	661	0.1	732	23.1	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.3	1.6%	1.0	2,671	3.2	2,760	8.1	1.4	38.1%	19.9%
HSG	Thép	6.5	-0.2%	1.5	119	0.3	425	15.2	0.5	17.7%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	130.0	2.8%	0.8	9,843	9.0	5,465	23.8	8.0	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	263.5	0.2%	0.8	7,347	0.1	6,735	39.1	9.6	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	78.5	-0.6%	1.2	3,990	0.8	3,304	23.8	2.9	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.0	0.3%	0.5	411	1.0	542	33.2	1.6	6.1%	4.9%
ACV	Vận tải	75.8	-0.3%	0.8	7,175	0.1	2,630	28.8	5.4	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	136.0	0.0%	1.1	3,097	1.9	9,850	13.8	5.2	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	32.9	-1.1%	1.7	2,026	0.6	1,747	18.8	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.9	-0.2%	0.8	360	0.3	1,888	14.8	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.6	-1.4%	0.6	215	0.8	2,435	7.2	1.2	30.5%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	104.0	0.0%	0.9	709	1.3	7,667	13.6	5.3	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.3	0.3%	0.8	376	0.2	1,327	14.5	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.2	-0.7%	0.8	251	0.0	1,657	9.1	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	96.3	-2.7%	0.7	320	0.2	13,535	7.1	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.4	1,352	19.5	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	20.8	1.2%	0.5	224	0.3	387	53.6	1.0	51.5%	1.9%
POW	Điện	12.3	-0.4%	0.6	1,252	0.8	820	15.0	1.2	14.6%	7.8%
NT2	Điện	24.1	0.6%	0.6	301	0.4	2,241	10.7	1.7	20.0%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	130.00	2.85	1.85	1.61MLN
GAS	104.00	1.56	0.90	343280.00
TCB	23.10	1.99	0.46	2.32MLN
CTG	21.15	1.68	0.39	2.31MLN
VCB	81.00	0.37	0.33	1.04MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.30	1.30	0.50	2.32MLN
SHB	6.70	3.08	0.23	3.05MLN
NVB	8.30	5.06	0.16	697600.00
SHS	8.20	7.89	0.09	1.68MLN
TIG	4.00	8.11	0.02	1.94MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	88.70	-0.89	-0.79	533860.00
VIC	119.00	-0.58	-0.69	334000.00
VRE	32.75	-2.24	-0.52	4.77MLN
MSN	78.50	-0.63	-0.17	220020.00
HVN	32.85	-1.05	-0.15	430850.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGS	32.00	-5.88	-0.07	300.00
CTX	12.90	-7.19	-0.02	100.00
DNP	14.70	-2.00	-0.02	46700.00
NTH	27.00	-10.00	-0.02	6600.00
S99	8.30	-3.49	-0.01	8100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TPC	9.63	7.00	0.01	320.00
LAF	7.50	6.99	0.00	10.00
L10	18.50	6.94	0.00	370.00
FDC	14.80	6.86	0.01	29630.00
MDG	11.75	6.82	0.00	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.50	25.0	0.00	159300.00
API	13.20	10.0	0.02	100.00
BED	33.00	10.0	0.00	100.00
C69	29.30	9.7	0.02	848200.00
PSD	12.60	9.6	0.01	7400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TN1	56.00	-8.05	-0.02	1550.00
FTM	2.79	-7.00	0.00	140190.00
HAX	17.50	-6.91	-0.01	126620.00
YBM	7.17	-6.88	0.00	62110.00
CIG	1.90	-6.86	0.00	14420.00

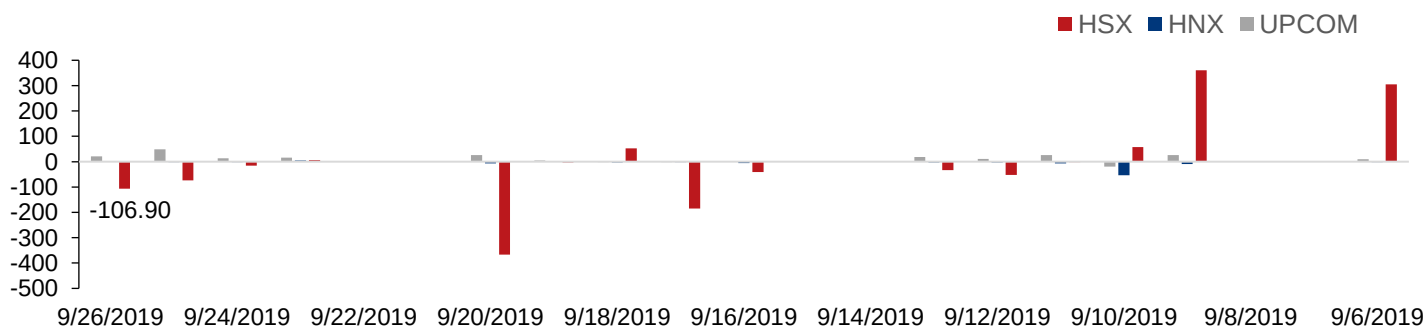
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	-16.67	0.00	22100.00
DBT	10.80	-10.00	-0.01	1600.00
NTH	27.00	-10.00	-0.02	6600.00
CVN	9.20	-9.80	0.00	2400.00
DNC	29.50	-9.79	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
2	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
8	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
9	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
10	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
15	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	79.2	18,865	4.2	1.6	Click
2	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	9.8	2,076	4.7	0.7	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.3	4,469	5.2	1.2	Click
4	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.5	1,098	13.2	1.2	Click
5	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	81.0	4,729	17.1	3.9	Click
6	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	24.0	1,295	18.5	1.9	Click
7	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.6	3,215	7.0	1.4	Click
8	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	56.7	2,801	20.2	3.3	Click
9	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.9	1,888	14.8	1.4	Click
10	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	28.3	3,705	7.6	2.1	Click
11	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	57.7	4,349	13.3	2.9	Click
12	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.7	649	21.1	1.2	Click
13	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	126.0	7,893	16.0	5.4	Click
14	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	80.7	4,727	17.1	4.4	Click
15	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	56.5	5,276	10.7	3.0	Click
16	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	27.5	4,234	6.5	0.9	Click
17	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	23.3	4,469	5.2	1.2	Click
18	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	18.2	3,873	4.7	1.3	Click
19	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.5	425	15.2	0.5	Click
20	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	45.5	4,961	9.2	2.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TPB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 22724 ; Giá tại Publish 21250 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu TPB với giá mục tiêu 22,548 VND/cp với phương pháp P/B = 1.5x sv trung bình ngành hiện tại 1.3x với luận điểm (1) khả năng sinh lời và chất lượng tài sản ở mức trung bình so với ngành ngân hàng hiện tại, (2) định giá tương đương với trung bình toàn ngành, (3) tăng trưởng cho vay mua ô tô ẩn tượng sẽ giúp TPB tăng trưởng trong năm nay. Chúng tôi nâng dự báo TPB trong năm 2019 lên mức TOI và PBT lần lượt đạt mức 6,884 tỷ VND (+22.3% yoy) và 2,959 tỷ VND (+31% yoy) với thay đổi ở giá định (1) tăng trưởng tín dụng ở mức 17% trong năm 2019, (2) NIM được cải thiện lên mức 4.31%, (3) CIR = 45%. EPS 2019 = 2,750 VND/cp, BVPS = 15,150 VND/cp.
PAC 2019Q3	21/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 28500 ; Giá tại Publish 30100 BSC dự báo năm 2019 DTT và LNTT của PAC lần lượt đạt 3,063 tỷ (+3.3% YoY) và 215 tỷ (+10.1% YoY), tương ứng với EPS 2019 đạt 3,701 VND/cp. KQKD 1H.2019 ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng nhờ giá kèm thể giới giảm mạnh khiến chi phí đầu vào giảm. PAC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt là 1,586 tỷ (+2.6% yoy) và 101 tỷ (+38 % yoy). Biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 15.2% so với cùng kỳ là 12.7%. Ác quy cho ô tô vẫn chiếm tỷ trọng chính, chiếm 85% tổng doanh thu. Pin chiếm 10% doanh thu, còn lại là các sản phẩm khác. Sản phẩm ác quy chủ yếu vẫn phục vụ cho ô tô tại thị trường nội địa.
MBB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 Chúng tôi điều chỉnh dự báo TOI và PBT của MBB trong năm 2019 lên -1.4%/+3.5% với việc thay đổi quan điểm về tăng trưởng tín dụng (từ 14% lên 17% với ngân hàng mẹ, 37% với M Credit), tỷ lệ casa giảm về mức 34.3%. CIR được giữ ở mức 45%. Khả năng sinh lời được giữ ở mức cao so với toàn ngành. (1) Thu nhập lãi thuần đạt mức 4,395 tỷ VND (+25.4% yoy), (2) Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ từ thu phí dịch vụ (+59% yoy). Chất lượng tài sản ở mức tốt, tuy nhiên việc nới lỏng cho vay của M Credit có thể ảnh hưởng đến kết quả chung của MBB. NPL ngân hàng hợp nhất = 1.18%, trong đó NH mẹ = 1.08%, M Credit = 11%. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 97.6%, cao hơn so với trung bình ngành giúp đảm bảo hoạt động của ngân hàng.
DBD 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 47400 Năm 2019, DBD kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 1,500 tỷ (+1.8% YoY) và 200 tỷ (-0.4% YoY), tương ứng với EPS 2019 là 3,055 VND/cp. Động lực tăng trưởng sẽ đến từ các dự án xây dựng nhà máy mới. Trong giai đoạn 2019 – 2027, công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng 3 dự án nhà máy mới, nâng tổng số nhà máy sản xuất được lên 4 nhà máy. Hiện tại, dự án NM DX DP Bidiphar CNC đã hoàn thiện phần xây dựng cơ bản. Công ty sẽ tiến hành lắp đặt máy móc để có thể tiến hành nghiệm thu trong Q4.2019 như kế hoạch đề ra. DBD dự kiến công suất năm đầu tiên của NM đạt 500,000 lọ/năm (~ 100 tỷ DT) và nâng lên 1,800,000 lọ/năm (~300 tỷ năm) trong năm thứ 5.
VCB 2019Q3	5/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A ; Giá tại Publish 81900 Chúng tôi điều chỉnh dự báo của VCB lần lượt TOI và PBT trong năm 2019 +0.6%/+8.8% với việc thay đổi giả định về CIR = 36% (sv 41% với dự báo trước). Trong 1H2019, VCB đã ghi nhận TOI = 17,078 tỷ VND (+31.4% yoy), PBT = 11,303 tỷ VND (+41% yoy). Thu nhập lãi thuần trong 1H2019 +31.4% yoy nhờ việc cơ cấu các khoản cho vay: (1) Tăng trưởng tín dụng +9.7% ytd, (2) NIM = 3.27%. Thu nhập ngoài lãi -3.1% yoy, kỳ vọng từ mảng bảo hiểm được ký kết độc quyền. Chất lượng tài sản được đánh giá cao. NPL = 1.01%, là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ngành nếu xét về quy mô lớn. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 178%, cao nhất trong hệ thống ngân hàng. LDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức thấp giúp đảm bảo thanh khoản.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn